Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 26.11.2020 15:50:48 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 440 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) năm 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh được kiện toàn tại Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sáp nhập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 vào Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020.

Trên cơ sở kế hoạch, mục tiêu của Trung ương giao, tỉnh Tây Ninh đã ban hành kế hoạch thực hiện từng chương trình và hoàn thành công tác giao kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình MTQG năm 2020.

Trong năm, Ban Chỉ đạo đã tổ chức họp định kỳ nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện các chương trình, cũng như đưa ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể thời gian tiếp theo.

Các thành viên Ban Chỉ đạo cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được phân công, các nhiệm vụ trọng tâm được tập trung thực hiện có hiệu quả, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của từng chương trình.

Tỉnh đã ban hành một số nội dung, quy định thực hiện Chương trình như:

- Công nhận 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

- Đề án thực hiện Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận Thủ tướng Chính phủ công nhận thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020. Khen thưởng thành tích trong xây dựng xã nông thôn mới đối với xã Tân Bình, huyện Tân Biên và phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan: Đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hướng dẫn, kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Ban Chỉ đạo huyện Hoà Thành đã chọn xã Trường Đông phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020; cơ chế giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã tiếp tục được thực hiện, UBND thị xã tiếp tục giao UBND các xã tổ chức, hướng dẫn người dân tự thực hiện, tự quản đối với các công trình do người dân đóng góp (*các công trình làm đường GTNT, lắp đặt đèn thắp sáng đường quê, ...*) theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng.

2. Các văn bản đã ban hành

Căn cứ vào các chủ trương, chính sách và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 về kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 490/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 về phối hợp thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 tỉnh Tây Ninh.

- Kế hoạch số 876/KH-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 về Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2020, Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 phê duyệt Kết quả rà soát hộ không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (*chi hỗ trợ hộ không có khả năng thoát nghèo của tỉnh năm 2020*).

3. Công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các chương trình

Thực hiện các quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và điều hành thực hiện các chương trình MTQG, Trưởng Ban chỉ đạo tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1258/QĐ-BCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017, trong đó nhiệm vụ điều hành và quản lý các chương trình được phân công cụ thể cho từng thành viên.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo, triển khai các văn bản hướng dẫn, đôn đốc tiến độ thực hiện, các hoạt động kiểm tra thực tế tại các địa phương.

Việc chấp hành chế độ báo cáo của các đơn vị thực hiện và các địa phương theo đúng thời gian quy định, tuy nhiên về chất lượng báo cáo của một số đơn vị chưa đảm bảo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

Công tác kiểm tra thực tế tại các địa phương được thực hiện lồng ghép với các chương trình, nội dung có chung mục tiêu, nhiệm vụ. Qua công tác kiểm tra, các đơn vị quản lý chương trình đã kịp thời hướng dẫn tổ chức thực hiện từng nội dung, ghi nhận những khó khăn vướng mắc báo cáo Ban Chỉ đạo kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn cho địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2020

1. Kết quả huy động và phân bổ sử dụng nguồn vốn thực hiện từng chương trình

1.1. Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện từng chương trình *(nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn đối ứng ngân sách địa phương, nguồn huy động khác).*

1.1.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 2.811.114 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 208.270 triệu đồng (ĐTPT: 168.570 triệu đồng, sự nghiệp: 39.700 triệu đồng).

- Vốn ngân sách địa phương: 612.217 triệu đồng (ĐTPT: 609.210 triệu đồng, sự nghiệp: 3.007 triệu đồng).

- Vốn huy động: 503.051 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 137.576 triệu đồng.

- Vốn vay: 1.350.000 triệu đồng.

1.1.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 25.226,3 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 22.100 triệu đồng (*ĐTPT: 13.424 triệu đồng, sự nghiệp: 8.676 triệu đồng*).

- Vốn ngân sách địa phương: 3.126,3 triệu đồng.

1.2. Kết quả thực hiện nguồn vốn các chương trình *(nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn đối ứng ngân sách địa phương, nguồn huy động khác)*

Tính đến 31/10/2020, các nguồn vốn được sử dụng như sau:

1.2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1.648.116,99 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 164.612,99 triệu đồng (ĐTPT: 151.548 triệu đồng, sự nghiệp: 13.064,99 triệu đồng).

- Vốn ngân sách địa phương: 487.848 triệu đồng (ĐTPT: 487.368 triệu đồng, sự nghiệp: 480 triệu đồng).

- Vốn huy động: 120.359 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 89.297 triệu đồng.

- Vốn vay: 786.000 triệu đồng.

1.2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 17.445,08 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 17.135,13 triệu đồng (*ĐTPT: 12.417 triệu đồng, sự nghiệp: 4.718,13 triệu đồng*).

- Vốn ngân sách địa phương: 309,95 triệu đồng.

1.3. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ:

Tổng kế hoạch vốn nguồn trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020: 230.370 triệu đồng *(trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 181.994 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 48.376 triệu đồng)*. Giải ngân 10 tháng đầu năm 2020: 181.748,12 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 163.965 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 17.783,12 triệu đồng).*

(Đính kèm biểu báo cáo)

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình.

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Bình quân tiêu chí nông thôn mới đạt được trên toàn tỉnh 16,3 tiêu chí, trong đó: Thành phố Tây Ninh 17,7/19 tiêu chí; thị xã Hòa Thành 19/19 tiêu chí; thị xã Trảng Bàng 15,3/17,1 tiêu chí; huyện Tân Biên 16,8/17,4 tiêu chí; huyện Tân Châu 13,7/16,2 tiêu chí; huyện Dương Minh Châu 15,8/16,2 tiêu chí; huyện Châu Thành 15,4/16,7 tiêu chí; huyện Gò Dầu 17,4/18 tiêu chí; huyện Bến Cầu 17,6/17,9 tiêu chí. Phân loại theo nhóm: Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có quyết định công nhận 35 xã; đạt từ 15-18 tiêu chí có 14 xã; đạt từ 10-14 tiêu chí có 20 xã; đạt từ 05-09 tiêu chí có 02 xã.

Ước thực hiện 2020: 35 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới duy trì 19 tiêu chí và triển khai thực hiện tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020. Có thêm 10 xã đạt chuẩn NTM (*nâng tổng số xã đạt chuẩn đến cuối năm 2020 là 45/71 xã, đạt 63,3%*), gồm: Tân Bình (*Thành phố Tây Ninh*), Tân Đông và Tân Hòa (*huyện Tân Châu*), Phan (*huyện Dương Minh Châu*), Phước Vinh và Hòa Thạnh (*huyện Châu Thành*), Thạnh Đức (*huyện Gò Dầu*), Tiên Thuận (*huyện Bến Cầu*), Hưng Thuận và Phước Chỉ (*Thị xã Trảng Bàng*). Còn lại 26 xã, trung bình mỗi xã tăng ít nhất 01 tiêu chí. Số tiêu chí bình quân/xã đạt 17,1 tiêu chí. Thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

a) Kết quả chi tiết theo từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần thuộc chương trình:

Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội

Vốn ĐTPT thuộc Chương trình (ngân sách Trung ương, Tỉnh) đã được phân khai hết, tập trung các dự án thuộc 10 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; thực hiện tốt việc duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư, thực hiện nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất truyền thanh cho 10 xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2020.

Các nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã phục vụ phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Thực hiện Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 phê duyệt Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2020, tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 94 lớp, với 2.872 học viên, đạt 87,03% so với KH (108 lớp, 3.560 học viên).

Các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (nguồn NSTW): Kế hoạch vốn thực hiện dự án năm 2020 là 5.390 triệu đồng. Ban hành văn bản hướng dẫn lập dự án (*Văn bản số 2744/SNN-VPĐP ngày 19/7/2020*) để các huyện triển khai thực hiện. Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện 12 dự án, trong đó 02 dự án đã giải ngân 100% (tại 02 huyện: Tân Biên, Châu Thành), còn lại 10 dự án đang trong thời gian thẩm định, chờ phê duyệt.

Dự án hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Ban hành Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về thực hiện thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2019-2020. Đã tuyển dụng 10/11 cán bộ về làm việc tại 07/08 HTX, riêng huyện Bến Cầu đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch do các HTX trên địa bàn huyện không còn nhu cầu tuyển dụng.

Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn: Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Trường Đại học Khoa học – Xã hội và Nhân văn tổ chức 04 lớp triển khai Đề án thực hiện Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thị xã Hòa Thành đang triển khai dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn "Chế biến nước mắm và mắm chay từ trái Điều" (*hỗ trợ phát triển thành sản phẩm OCOP tỉnh Tây Ninh năm 2020*).

Phát triển giáo dục ở nông thôn

Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, công tác huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 21.391/21.453 trẻ, đạt tỉ lệ: 99,7%, tăng so với cùng kỳ 0,3%. Duy trì trẻ 5 tuổi học 2 buổi / ngày.

Về phổ cập giáo dục tiểu học: Có 9/9 huyện/thị xã/thành phố và 95/95 xã/phường/thị trấn đạt mức độ 2, đạt tỉ lệ 100%, trong đó có 64/95 xã/phường/thị trấn đạt mức độ 3, đạt tỉ lệ 67,4%

Tổng số huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, tỉ lệ: 100%. Trong đó có 4/9 huyện/thị xã/ thành phố đạt mức độ 3, tỉ lệ: 44,5%. (*TP Tây Ninh, TX Trảng Bàng, TX Hòa Thành và huyện Dương Minh Châu*).

Về phổ cập giáo dục THCS: Có 9/9 huyện/thị xã/thành phố và 95/95 xã/phường/thị trấn đạt mức độ 1, đạt tỉ lệ 100%, có 6/95 xã/phường/thị trấn đạt mức độ 2. theo Quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ.

Đạt tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề.

Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn. Ngành văn hóa ban hành hướng dẫn đánh giá kết quả hoạt động Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn, Nhà văn hóa, liên ấp hoạt động hiệu quả đến năm 2020.

Vệ sinh môi trường nông thôn

Các hệ thống cấp nước tập trung thường xuyên được duy tu bảo dưỡng, đã nâng số hộ dân sử dụng nước đến nay 18.465 hộ, khối lượng nước tiêu thụ 1.419.580 m^3. Thực hiện chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình, UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện năm 2020 là 20,67 tỷ đồng/3.988 hệ thống cho các huyện, thị xã, thành phố. Tổ chức 02 đợt lấy 130 mẫu nước tại 130 công trình giám sát định kỳ tại các công trình cấp nước tập trung theo QCVN 02:2009/BYT; định kỳ tổ chức kiểm tra công tác vận hành, sửa chữa, thiết bị trong hệ thống, kiểm tra vệ sinh, an toàn lao động tại các công trình cấp nước và đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

Các xã trên địa bàn tỉnh, nhất là các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi người dân về sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, công tác bảo vệ môi trường, xây dựng quy ước bảo vệ môi trường, thành lập Ban Chỉ đạo về công tác vệ sinh môi trường, tổ vệ sinh môi trường xã, ấp, thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm ít nhất 01 tháng/01 lần (*thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*); hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng

cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Tỉnh ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 14/2/2020 về Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh năm 2020, đã tổ chức 06 lớp: 01 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp xã; 01 lớp bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ quản lý và bảo vệ môi trường; 01 lớp bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng quản lý dự án đầu tư xây dựng; 01 lớp bồi dưỡng chuyên sâu về tài chính ngân sách xã; 02 lớp bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin chuyên sâu.

Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: Thực hiện 108 bài viết, khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật trên hệ thống thông tin cơ sở; phát hành 03 số nội san tuyên truyền pháp luật với số lượng 1.500 quyển; tổ chức 09 cuộc thi viết tìm hiểu pháp luật hành tháng và 02 cuộc thi viết tìm hiểu pháp luật về an toàn giao thông; thực hiện phóng sự tuyên truyền về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; duy trì và nhân rộng mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại huyện Trảng Bàng.

Thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch": Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chỉ đạo các cấp hội duy trì và nhân rộng các mô hình 5 không, 3 sạch; các tổ chức với nhiều hoạt động thiết thực. Biểu dương 61 tập thể, 183 cá nhân, 24 gia đình thực hiện tốt cuộc vận động và xây dựng nông thôn mới.

Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Về đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn: Đã xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu 19.2 năm 2020; có văn bản chỉ đạo về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Tổ dân cư tự quản; tiếp tục chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng ấp, xã an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an; đăng ký đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự, 100% các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường cấp tỉnh, huyện quản lý đều đăng ký đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự, hoàn thành việc triển khai các hộ gia đình tại ấp ký cam kết đảm bảo an ninh trật tự và triển khai kế hoạch chuyển hoá địa bàn năm 2020; phát hiện bắt vi phạm hành chính 368 vụ 1.924 đối tượng đánh bạc, xử phạt vi phạm hành chính 631 đối tượng (*946,5 triệu đồng*); bắt 11 vụ đối tượng cho vay lãi nặng...; phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh công tác xây dựng phong trào năm 2020, xây dựng, nhân rộng 138 nhóm zalo tuyên truyền phòng, chống tội phạm ở các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường; tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự cho 37 nhân viên bảo vệ Công ty SaiLun thuộc Khu công nghiệp Phước Đông - Bời Lời; giải quyết ổn định 06 vụ lãn công của 1.950 công nhân tại 06 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; xử lý hành chính 02 vụ 02 đối tượng tuyên truyền tà đạo trái pháp luật, thu giữ 386 tài liệu, 01 đĩa CD.

Về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia: Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2020. Tình hình an ninh chính

trị khu vực biên giới cơ bản ổn định. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với đơn vị chức năng có liên quan in phát 400 tờ rơi và 400 đĩa CD tuyên truyền cấp phát cho Ban Chỉ huy Quân sự các xã thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền.

Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới

Mặt Trận Tổ Quốc, các ban, ngành, đoàn thể đã phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền cho các đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân về xây dựng nông thôn mới được 1.578 cuộc, 57.993 lượt người tham gia với nhiều hình thức như: Mạng xã hội, loa cổ động, website,...; Thực hiện 9 chuyên trang thực hiện 93 tin, bài, 25 phóng sự phát sóng trong bản tin thời sự, 17 chuyên mục "Xây dựng nông thôn mới, 07 chương trình tọa đàm "Tây Ninh xây dựng nông thôn mới, 18 chuyên mục "Đại đoàn kết toàn dân", 09 chuyên mục "Xây dựng xóm làng" trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; 80 tin, 21 phóng sự trên sóng phát thanh. Vận động nhân dân đóng góp trên 5.900 công lao động và trên 3,9 tỷ đồng để nâng cấp 28km đường giao thông, vận động hiến 18.000m2 đất để mở rộng 4,7km đường. Thu gom trên 05 tấn rác thải tại các chợ và đường liên xã, liên ấp; trồng 3.500 cây xanh tại các nơi công cộng, thực hiện 124 công trình đường hoa dài 1,6km, phát hoang 7,3km đường giao thông xóm ấp,...

Tiếp tục nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành, thực thi cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, đã tổ chức 11 lớp đào tạo, bồi dưỡng với trên 700 người tham dự.

b) Đánh giá mức độ hoàn thành so với kế hoạch đề ra

Các cơ quan, đơn vị đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ năm 2020, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ đạt thấp 32,9% do các đơn vị tập trung giải ngân vào thời điểm cuối năm.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

2.2.1. Kết quả thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Kết quả chi tiết theo từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình

*** Dự án Chương trình 135**

- Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135: thực hiện hoàn thành 30/30 ở các xã dự án với số vốn 13.424 triệu đồng.

- Dự án duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng sau đầu tư với số kinh phí 992 triệu đồng.

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho các xã thuộc Chương trình 135: Tiếp tục thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho các xã thuộc Chương trình như dự án chăn nuôi bò sinh sản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở cho các xã thuộc Chương trình 135: tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng nội dung "Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển kinh tế hộ gia đình" cho 442 học viên trên địa bàn 5 huyện có CT135.

*** Ngoài Chương trình 135:**

- Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 135.

- Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 784,3 triệu đồng (Trung ương: 682 triệu đồng, địa phương 102,3 triệu đồng).

Sở Thông tin và Truyền thông: Thực hiện mua sắm 03 bộ phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động trang cấp cho 03 xã: xã Long Khánh huyện Bến Cầu, xã Phước Vinh huyện Châu Thành, xã Tân Hòa huyện Tân Châu.

+ Sản xuất và phát sóng 18 chương trình phát thanh, 02 chương trình truyền hình giảm nghèo về thông tin để thông tin tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng.

+ Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông cơ sở (*Dự kiến triển khai trong tháng 11/2020*).

- Từ giờ đến cuối năm thực hiện sản xuất 02 chương trình truyền hình (*tọa đàm*) để thông tin tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng (*kinh phí 102 triệu đồng từ nguồn vốn đối ứng của tỉnh*).

* Đối với dự án "Tăng cường cơ sơ vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thanh cơ sở"

- Vốn giao thực hiện năm 2020 là: 3.850 triệu đồng, nội dung thực hiện mua sắm cụm thu phát FM truyền thanh, gồm: Bộ thiết bị thu phát truyền thanh, Loa phóng thanh và phần mềm truyền thanh kỹ thuật số, sim di động 3/4G để trang bị cho 11 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

- Hiện Dự án đang trong giai đoạn đấu thầu, Đến ngày 31/10/2020 chưa phát sinh hồ sơ giải ngân nguồn vốn.

Từ đầu năm đến nay, do tình hình dịch bệnh, công tác tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông cơ sở thuộc phạm vi Dự án "Truyền thông và giảm nghèo về thông tin" vẫn chưa được triển khai. Dó đó mức độ hoàn thành Dự án chỉ đạt 66% kế hoạch năm đề ra.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Thực hiện dự án Truyền thông giảm nghèo: Sở đã phối hợp với Đài Phát thanh – Truyền hình Tây Ninh tổ chức tọa đàm về giảm nghèo, phối hợp với Báo Tây Ninh thực hiện 03 phụ trương giảm nghèo bền vững, Báo Lao động – Xã hội thực hiện 06 kỳ truyền thông về giảm nghèo: Kinh phí thực hiện 282 triệu đồng, đạt gần 83%.

b) Đánh giá mức độ hoàn thành so với kế hoạch đề ra.

- Ban hành các Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 (*204/BC-UBND ngày 25/6/2020*); Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo nhanh và bền vững từ năm 2011 đến năm 2020 (*197/BC-UBND ngày 23/6/2020*) và Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Ban hành Hướng dẫn liên ngành Khen thưởng thành tích trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững và phong trào thi đua "Tây Ninh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" đến năm 2020 (*Văn bản số 1235/HD-SLĐTBXH-SNV ngày 7/5/2020*).

- Thực hiện dự án Truyền thông giảm nghèo: tổ chức tọa đàm về giảm nghèo, phối hợp với Báo Tây Ninh thực hiện 03 phụ trương giảm nghèo bền vững, Báo Lao động – Xã hội thực hiện 06 kỳ truyền thông về giảm nghèo: Kinh phí thực hiện 282 triệu đồng, đạt gần 83%.

- Thực hiện Dự án nâng cao năng lực, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình: Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo năm 2020 cho 238 cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã; Thực hiện Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các chính sách giảm nghèo và các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020; Tổ chức hội nghị tập huấn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 cho trên 40 đại biểu là Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cấp tỉnh và đại biểu cấp huyện. Kinh phí thực hiện: 225 triệu đồng. Do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nên không tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

2.3. Kết quả thực hiện lồng ghép, tích hợp các chính sách giảm nghèo

Chương trình xây dựng nông thôn mới được lồng ghép với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, các chương trình an sinh xã hội ở nông thôn, chương trình khuyến nông, mô hình hoạt động ở cơ sở của các tổ chức đoàn thể,...do đó đã huy động được nguồn vốn khá đáng kể để thực hiện Chương trình, do chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cơ chế lồng ghép nên việc xác định nội dung, nguồn vốn lồng ghép chưa có sự thống nhất ở các cấp.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo đã thực sự trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Các chính sách, chế độ được triển khai đồng bộ, với nhiều giải pháp đem lại hiệu quả hữu hiệu.

Việc thực hiện các chính sách, dự án cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện tích cực, nhân dân đồng tình hưởng ứng; Nhận thức về trách nhiệm giảm nghèo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và chính người nghèo được nâng lên và trở thành nhiệm vụ thường xuyên của địa phương.

Nhìn chung, người nghèo đã tiếp cận thuận tiện hơn các chính sách trợ giúp của nhà nước; cơ sở hạ tầng nông thôn được tăng cường trên cơ sở triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, Số hộ nghèo trong tỉnh giảm đáng kể. đời sống của người nghèo được từng bước cải thiện, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Phong trào xây dựng nông thôn mới của tỉnh được triển khai mạnh mẽ, đã thay đổi diện mạo của nông thôn Tây Ninh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Một số kết quả cụ thể:

*** Cấp thẻ BHYT:** Người nghèo, cận nghèo, nghèo tỉnh và người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình 214.680 lượt thẻ. Cụ thể:

+ Người thuộc hộ nghèo: 20.832 thẻ;

+ Người thuộc hộ cận nghèo: 74.044 thẻ;

+ Người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh: 45.687 thẻ;

+ Người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh (làm nông, lâm, ngư nghiệp): 60.838 thẻ.

- Người dân tộc thiểu số sống trên địa bàn các xã theo Quyết định 1010/QĐ-TTg: 9.059 thẻ.

- Người dân sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (ấp Rạch Tre, xã Biên Giới, huyện Châu Thành): 4.220 thẻ.

*** Công tác chăm lo cho người nghèo**

Tổng kinh phí chăm lo Tết Nguyên đán cho người nghèo, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và đối tượng bảo trợ xã hội là: 42.000,48 triệu đồng. Trong đó:

- Chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn trung ương và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh trên địa bàn tỉnh: 9.998 hộ/ 28.255 người từ nguồn xã hội hóa (*Hội đồng Quản lý các Chùa Núi Bà*): 7.936 triệu đồng. Ngân sách huyện: 70 triệu đồng.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị -Xã hội vận động các doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ 82.907 phần quà/33.834,2 triệu đồng, trong đó Hệ thống Mặt trận các cấp đã vận động 33.019 phần quà/22.941 triệu đồng.

*** Công tác hỗ trợ tiền điện cho người nghèo**

Trong năm 2020, Ngân sách Trung ương và địa phương đã hỗ trợ tiền điện cho 5.269 hộ nghèo, cận nghèo với tổng kinh phí 2.717,64 triệu đồng, gồm:

- 1.900 hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập chuẩn Trung ương, kinh phí 1.504,8 triệu đồng (NS TW: 55.000 đồng/hộ/tháng, NSĐP: 11.000 đồng/hộ/tháng);

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho 30 hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, kinh phí 10,8 triệu đồng; 3.339 hộ cận nghèo chuẩn Trung ương với tổng kinh phí 1.202,04 triệu đồng.

*** Vay vốn tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo**

Ngân hàng chính sách xã hội đã cho **3.615** lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi với kinh phí **152.516,5** triệu đồng.

*** Hỗ trợ nhà ở:** Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh phối hợp các tổ chức đoàn thể đã xây mới và bàn giao được 304 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo trị giá 16,2 tỷ đồng từ Quỹ "Vì người nghèo".

*** Thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19:** Hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng. Hỗ trợ cho 10.210 người/**7.657 triệu đồng.**

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện các chương trình và nguyên nhân

Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến nhiệm vụ của rất nhiều ngành và các nhiệm vụ XDNTM, giải ngân nguồn vốn sự nghiệp như: Tuyên truyền, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới,... giá cả nông sản biến động ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người dân; một số nông sản chủ lực của tỉnh như: Cao su, điều, mì, cây ăn quả gặp khó khăn trong việc xuất khẩu.

Công tác triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 chưa đầy đủ, kịp thời, một số xã chưa quan tâm xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2020 do một số xã đã đạt chuẩn chưa chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội như: Đường giao thông; hệ thống thủy lợi, chợ, trường học, trung tâm văn hóa… do nguồn vốn đầu tư có hạn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư các xã nông thôn mới. Công tác bảo trì các công trình giao thông sau khi hoàn thành chưa được quan tâm đúng mức; công tác duy tu, bảo dưỡng chưa thực hiện thường xuyên; một số công trình đã đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 bị xuống cấp nhưng nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng được phân bổ còn hạn chế đã phát sinh các hiện tượng hư hỏng, ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản của nhân dân, gây mất an toàn giao thông đối với người và các phương tiện tham gia lưu thông.

Người dân tuy đã hiểu biết về nội dung xây dựng nông thôn mới nhưng việc kêu gọi, huy động nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn hạn chế. Các huyện, xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư; nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới chủ yếu từ ngân sách nhà nước, vốn huy động nhân dân rất thấp.

Kinh tế hợp tác ở nông thôn có phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ

còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông nghiệp sạch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm phát triển. Riêng đối với một số hợp tác xã hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa xây dựng phương án phát triển sản xuất khả thi, chưa tiếp cận được nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

Đề án thực hiện Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025 vừa mới phê duyệt nên các đơn vị còn lúng túng, hiện chỉ mới tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ thuộc đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã về nội dung cơ bản, phương pháp triển khai Đề án.

Vấn đề giải quyết việc làm và hỗ trợ dự án "Phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo" cho hộ nghèo còn gặp nhiều khó khăn, phần lớn các hộ nghèo thuộc nhóm đối tượng bảo trợ xã hội (già cả, cô đơn, bệnh tật, khuyết tật...) không có sức lao động để tham gia dự án.

Chính sách vay ưu đãi hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo chưa phù hợp, do vậy người nghèo hộ không thiết tha với chính sách, bên cạnh đó nhiều địa phương chưa tích cực tuyên truyền vận để cộng đồng dân cư chung tay giúp đỡ, góp công, sức hỗ trợ để người nghèo có thể tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi này.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Phấn đấu năm 2021 có thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*lũy kế 54/71 xã, đạt 76,1%*); 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*lũy kế có 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng*).

Thực hiện hiệu quả các chính sách: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; chính sách đặc thù khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Phấn đấu mỗi huyện, thị xã, thành phố và từng ngành nghề có hợp tác xã kiểu mới làm ăn hiệu quả, nâng cao giá trị hàng hóa theo chuỗi giá trị gia tăng gắn với việc triển khai các nội dung thành phần của Đề án Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn theo quy định cơ chế đầu tư, cơ chế tài chính của Trung ương về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi

trường, làm chuyển biến môi trường nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp; triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù trong xây dựng nông thôn mới đối với các xã khó khăn; thực hiện tốt các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới; các chính sách giảm nghèo, ổn định đời sống dân cư.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản và thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, không ngừng cải thiện nâng cao tinh thần, vật chất, đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1% (theo *chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025*); nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động nghèo, tạo việc làm gắn với thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo,

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cho 100% người nghèo, người cận nghèo theo quy định. Đảm bảo 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thường xuyên, được cấp thẻ BHYT và được hỗ trợ mai táng phí khi từ trần theo đúng quy định của chính sách. Thực hiện trợ giúp đột xuất đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; vận động xã hội hóa tham gia thực hiện trợ giúp xã hội.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- TT TU;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, PKTTC;
- Lưu: VT, VP ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Trần Văn Chiến

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 440 /BC-BCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 của [illegible])

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chương trình/Dự án	Kế hoạch vốn năm 2020								Kết quả thực hiện tính đến ngày 30/10/2020								Ước thực hiện năm 2020							
		Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:						
			NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay
			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
	Tổng	**2.836.340,30**	**181.994,00**	**48.376,00**	**609.210,00**	**6.133,30**	**503.051,00**	**137.576,00**	**1.350.000,00**	**1.665.562,07**	**163.965,00**	**17.783,12**	**487.368,00**	**789,95**	**120.359,00**	**89.297,00**	**786.000,00**	**2.834.545,93**	**181.994,00**	**46.720,08**	**609.210,00**	**5.994,85**	**503.051,00**	**137.576,00**	**1.350.000,00**
I	**Xây dựng nông thôn mới**	**2.811.114,00**	**168.570,00**	**39.700,00**	**609.210,00**	**3.007,00**	**503.051,00**	**137.576,00**	**1.350.000,00**	**1.648.116,99**	**151.548,00**	**13.064,99**	**487.368,00**	**480,00**	**120.359,00**	**89.297,00**	**786.000,00**	**2.809.674,83**	**168.570,00**	**38.260,83**	**609.210,00**	**3.007,00**	**503.051,00**	**137.576,00**	**1.350.000,00**
1	Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	1.150.385,00	168.570,00	12.297,00	609.210,00		218.592,00	128.900,00	12.816,00	772.637,00	151.548,00	3.630,00	487.368,00		40.794,00	89.297,00		1.150.158,00	168.570,00	12.070,00	609.210,00		218.592,00	128.900,00	12.816,00
2	Các nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã phục vụ phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân.	6.707,35		3.700,35		3.007,00				1.399,50		919,50		480,00				6.460,85		3.453,85		3.007,00	0,00	0,00	0,00
3	Các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân.	781.525,68		8.078,68			119.651,00	8.676,00	645.120,00	632.044,28		1.195,28			47.309,00		583.540,00	780.861,00		7.414,00			119.651,00	8.676,00	645.120,00
4	Phát triển giáo dục và đào tạo ở nông thôn	4.930,00		4.930,00						3.250,00		3.250,00						4.930,00		4.930,00			0,00	0,00	0,00
5	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cho người dân nông thôn	650,00		650,00						258,00		258,00						650,00		650,00			0,00	0,00	0,00
6	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề	861.072,00		4.200,00			164.808,00		692.064,00	235.316,00		600,00			32.256,00		202.460,00	861.072,00		4.200,00			164.808,00	0,00	692.064,00
7	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị-xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân	668,98		668,98						220,50		220,50						668,98		668,98			0,00	0,00	0,00
8	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	560,00		560,00						404,00		404,00						560,00		560,00			0,00	0,00	0,00
9	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới	4.614,99		4.614,99						2.587,71		2.587,71						4.314,00		4.314,00			0,00	0,00	0,00
II	Giảm nghèo bền vững	25.226,30	13.424,00	8.676,00	0,00	3.126,30	0,00	0,00	0,00	17.445,08	12.417,00	4.718,13	0,00	309,95	0,00	0,00	0,00	24.871,10	13.424,00	8.459,25	0,00	2.987,85	0,00	0,00	0,00
1	Dự án Chương trình 135	21.533,65	13.424,00	5.465,00	0,00	2.644,65	0,00	0,00	0,00	15.620,13	12.417,00	2.991,13	0,00	212,00	0,00	0,00	0,00	21.448,78	13.424,00	5.432,25	0,00	2.592,53	0,00	0,00	0,00
1.1	*Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn*	15.248,90	13.424,00			1.824,90				12.417,00	12.417,00							15.248,90	13.424,00			1.824,90			
1.2	*Dự án duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng sau đầu tư*	1.140,80		992,00		148,80				598,00		541,00		57,00				1.140,80		992,00		148,80			
1.3	*Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn*	4.344,70		3.778,00		566,70				1.977,00		1.822,00		155,00				4.344,70		3.778,00		566,70			
1.4	*Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn*	799,25		695,00		104,25				628,13		628,13						714,38		662,25		52,13			
2	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135	1.863,00		1.620,00		243,00				932,35		856,00		76,35				1.854,90		1.613,00		241,90			
3	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin	784,30		682,00		102,30				574,00		574,00						683,61		612,00		71,61			
4	Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	1.045,35		909,00		136,35				318,60		297,00		21,60				883,81		802,00		81,81			

Phụ lục 01

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020 (nguồn NSTW)

(Kèm theo Báo cáo số 440 /BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	TỔNG VỐN	**39.700,00**	**13.064,99**	**36.948,92**	
I	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI**	**12.297,00**	**3.630,00**	**12.070,00**	
1	**Dự án Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở**	**3.850,00**		**3.850,00**	**Sở Thông tin và Truyền thông**
2	**Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư**	**8.447,00**	**3.630,00**	**8.220,00**	
	UBND huyện Tân Biên	*450,00*		*450,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*347,00*	*178,00*	*178,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*1.530,00*	*450,00*	*1.530,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*1.530,00*		*1.530,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*1.530,00*	*1.525,00*	*1.525,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*1.530,00*	*1.477,00*	*1.477,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*1.530,00*		*1.530,00*	
II	**CÁC NỘI DUNG VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HỢP TÁC XÃ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GẮN VỚI CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN**	**3.700,35**	**919,50**	**3.453,85**	
1	**Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề**	**3.205,35**	**795,00**	**3.068,85**	
	UBND thành phố Tây Ninh	*150,40*		*150,40*	
	UBND huyện Tân Biên	*1.444,85*	*254,00*	*1.444,85*	
	UBND huyện Tân Châu	*607,50*		*513,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*54,00*		*54,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*84,00*	*84,00*	*84,00*	

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	UBND thị xã Hoà Thành	*302,40*	*150,00*	*302,40*	
	UBND huyện Gò Dầu	*84,00*	*42,00*	*42,00*	
	UBND huyện Bến Cầu	*347,94*	*265,00*	*347,94*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*130,26*		*130,26*	
2	**Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm**	**100,00**	**90,00**	**90,00**	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**
3	**Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**	**90,00**		**90,00**	
4	**Rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT**	**100,00**			
5	**Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn**	**205,00**	**34,50**	**205,00**	
	Ban Chỉ đạo Đề án 1956	*60,00*	*15,00*	*60,00*	
	UBND thành phố Tây Ninh	*6,00*		*6,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*50,00*	*9,00*	*50,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*30,00*		*30,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*4,00*		*4,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*6,00*	*6,00*	*6,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*15,00*		*15,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*9,00*	*4,50*	*9,00*	
	UBND huyện Bến Cầu	*14,00*		*14,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*11,00*		*11,00*	
III	**CÁC NỘI DUNG VỀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GẮN VỚI CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN**	**8.078,68**	**1.195,28**	**7.326,10**	
1	**Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**	**5.390,00**	**400,00**	**4.850,00**	
	UBND thành phố Tây Ninh	*200,00*		*200,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*1.000,00*		*1.000,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*200,00*	*200,00*	*200,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*1.350,00*		*1.350,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*200,00*	*200,00*	*200,00*	

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	UBND huyện Gò Dầu	*940,00*		*400,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*1.500,00*		*1.500,00*	
2	**Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển hợp tác xã**	**625,12**	**617,00**	**625,12**	**Liên minh HTX tỉnh**
	Tổ chức tư vấn củng cố, hỗ trợ các HTX	*25,12*	*17,00*	*25,12*	
	Xây dựng mô hình HTX kiểu mới đúng bản chất HTX và theo Luật Hợp tác xã 2012	*600,00*	*600,00*	*600,00*	
3	**Phát triển ngành nghề nông thôn**	**1.846,00**	**50,00**	**1.708,00**	
	Triển khai Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm	***1.846,00***	***50,00***	***1.708,00***	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	*546,00*	*50,00*	*408,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*500,00*		*500,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*200,00*		*200,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*600,00*		*600,00*	
4	**Triển khai Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các HTX nông nghiệp (KH số 1331/KH-UBND ngày 26/6/2019)**	**217,56**	**128,28**	**142,98**	
	UBND huyện Gò Dầu	*47,04*	*35,28*	*35,28*	
	UBND huyện Trảng Bàng	*47,04*	*39,20*	*47,04*	
	UBND huyện Châu Thành	*41,16*	*19,50*	*19,50*	
	UBND huyện Hoà Thành	*41,16*	*34,30*	*41,16*	
	UBND huyện Bến Cầu	*41,16*			
IV	**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở NÔNG THÔN**	**4.930,00**	**3.250,00**	**3.680,00**	
1	**Dự án Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học**	**4.930,00**	**3.250,00**	**3.680,00**	**Sở Giáo dục và Đào tạo**
	Trang thiết bị giáo dục mầm non	*4.500,00*	*3.250,00*	*3.250,00*	
	Hỗ trợ PCGD trung học	*430,00*		*430,00*	
V	**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN**	**650,00**	**258,00**	**650,00**	

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	*150,00*	*20,00*	*150,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*500,00*	*238,00*	*500,00*	
VI	**VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN, KHẮC PHỤC XỬ LÝ Ô NHIỄM VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC LÀNG NGHỀ**	**4.200,00**	**600,00**	**4.200,00**	
	UBND thành phố Tây Ninh	*300,00*		*300,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*300,00*	*100,00*	*300,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*300,00*		*300,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*900,00*		*900,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*500,00*	*500,00*	*500,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*300,00*		*300,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*300,00*		*300,00*	
	UBND huyện Bến Cầu	*300,00*		*300,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*1.000,00*		*1.000,00*	
VII	**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG; BẢO ĐẢM TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN**	**668,98**	**220,50**	**668,98**	
	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội cho cán bộ, công chức xã	*500,00*	*130,00*	*500,00*	Sở Nội vụ
	Thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	*50,50*	*50,50*	*50,50*	MTTQ Việt Nam tỉnh
	Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân	*22,00*		*22,00*	Sở Tư pháp
	Thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"	*96,48*	*40,00*	*96,48*	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
VIII	**GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN**	**560,00**	**404,00**	**560,00**	

C:\Users\User\AppData\Local\Temp\BkavEgovChrome\1606221667512\1343296.xls

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	Giữ vững quốc phòng, an ninh và TTXH ở nông thôn	*520,00*	*364,00*	*520,00*	
	Giữ vững quốc phòng, an ninh và TTXH ở nông thôn	*40,00*	*40,00*	*40,00*	
IX	**NÂNG CAO NĂNG LỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; TRUYỀN THÔNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	**4.614,99**	**2.587,71**	**4.339,99**	
1	**Quản lý điều hành (hoạt động BCĐ các cấp)**	**600,00**	**222,00**	**540,00**	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	*120,00*	*70,00*	*120,00*	
	UBND thành phố Tây Ninh	*18,00*		*18,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*54,00*	*20,00*	*54,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*66,00*		*66,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*60,00*		*60,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*84,00*	*84,00*	*84,00*	
	UBND huyện Hoà Thành	*42,00*		*24,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*48,00*	*6,00*	*6,00*	
	UBND huyện Bến Cầu	*48,00*	*42,00*	*48,00*	
	UBND huyện Trảng Bàng	*60,00*		*60,00*	
2	**Đào tạo, tập huấn**	**305,00**	**113,10**	**255,00**	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	*50,00*			
	UBND thành phố Tây Ninh	*27,00*		*27,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*45,00*	*45,00*	*45,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*20,00*		*20,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*20,00*		*20,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*50,00*	*50,00*	*50,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*22,00*		*22,00*	
	UBND huyện Gò Dầu.	*21,00*	*18,10*	*21,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*50,00*		*50,00*	
3	**Công tác tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn cấp tỉnh**	**2.544,99**	**1.722,61**	**2.379,99**	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	*848,00*	*728,00*	*848,00*	

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Kết quả giải ngân đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	Ghi chú
	Sở Xây dựng	*20,00*		*20,00*	
	Sở Giao thông vận tải	*30,00*	*20,00*	*30,00*	
	Sở Công thương	*50,00*	*18,00*	*50,00*	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	*20,00*	*8,00*	*20,00*	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	*30,00*	*15,00*	*30,00*	
	Sở Thông tin và Truyền thông	*50,00*		*50,00*	
	Sở Tài nguyên và Môi trường	*10,00*		*10,00*	
	Sở Lao động - Thương binh và XH	*150,00*		*150,00*	
	Sở Nội vụ	*20,00*		*20,00*	
	Sở Y tế	*86,00*	*50,00*	*86,00*	
	Cục Thống kê tỉnh	*53,00*		*53,00*	
	Liên minh HTX tỉnh	*212,00*	*207,00*	*212,00*	
	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	*40,00*		*40,00*	
	Tỉnh Đoàn	*162,25*	*162,25*	*162,25*	
	Hội Nông dân tỉnh	*35,00*	*30,00*	*35,00*	
	Hội Cựu chiến binh tỉnh	*42,36*	*42,36*	*42,36*	
	Hội Chữ Thập đỏ	*52,38*		*52,38*	
	Hội Người cao tuổi	*27,00*		*27,00*	
	Liên hiệp các hội KH-KT	*42,00*	*42,00*	*42,00*	
	Hội văn học - Nghệ thuật tỉnh	*60,00*	*60,00*	*60,00*	
	Đài PT-TH	*400,00*	*280,00*	*280,00*	
	Báo Tây Ninh	*105,00*	*60,00*	*60,00*	
4	**Tuyên truyền cấp xã**	**1.165,00**	**530,00**	**1.165,00**	
	UBND thành phố Tây Ninh	*50,00*		*50,00*	
	UBND huyện Tân Biên	*140,00*	*50,00*	*140,00*	
	UBND huyện Tân Châu	*175,00*	*70,00*	*175,00*	
	UBND huyện Dương Minh Châu	*200,00*	*20,00*	*200,00*	
	UBND huyện Châu Thành	*220,00*	*220,00*	*220,00*	
	UBND thị xã Hoà Thành	*60,00*	*60,00*	*60,00*	
	UBND huyện Gò Dầu	*125,00*		*125,00*	
	UBND huyện Bến Cầu	*125,00*	*110,00*	*125,00*	
	UBND thị xã Trảng Bàng	*70,00*		*70,00*	